

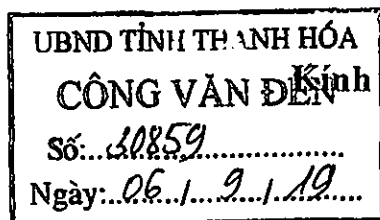
**CÔNG TY ĐẤU GIÁ
HỢP DANH HLC**

Số: 22/CV-HLC

V/v đăng tải thông tin về đấu giá
tài sản trên Cổng thông tin điện
tử tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 9 năm 2019



Kính gửi:

Phòng Quản lý công TTĐT và CNTT
- VP UBND tỉnh Thanh Hóa

Công ty Đấu giá Hợp danh HLC (địa chỉ: số 72 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; điện thoại: 02373.724.099; 0912.444.339; Email: daugiathanhhoa@gmail.com) triển khai việc đấu giá QSDĐ các lô đất ở khu dân cư xã Đông Văn, huyện Đông Sơn.

Thực hiện quy trình đấu giá về thông báo công khai việc đấu giá tài sản nêu trên, Công ty đề nghị **Phòng Quản lý công TTĐT và CNTT - VP UBND tỉnh Thanh Hóa** cho đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa nội dung các thông báo đấu giá của Công ty Đấu giá Hợp danh HLC:

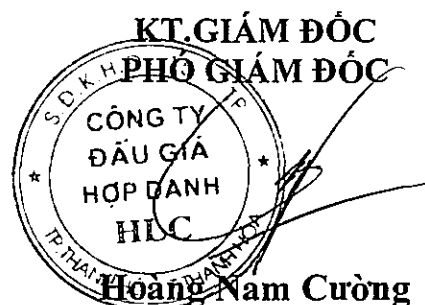
Công ty gửi kèm theo 01 thông báo:

- Thông báo số 34/TB-HLC ngày 04/9/2019 V/v Đấu giá QSDĐ xã Đông Văn, huyện Đông Sơn.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kg (b/c);
- Lưu VP.



THÔNG BÁO

Đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất Khu dân cư xã Đông Văn, huyện Đông Sơn

- 1. Tên, địa chỉ của tổ chức đấu giá tài sản:** Công ty Đấu giá Hợp danh HLC; địa chỉ: số 72 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa.
- 2. Người có tài sản bán đấu giá:** Phòng Tài nguyên và Môi trường - UBND huyện Đông Sơn; Địa chỉ: thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn.
- 3. Tên tài sản, nơi có tài sản bán đấu giá:** Là quyền sử dụng đất (QSDĐ) 63 lô đất khu dân cư xã Đông Văn, huyện Đông Sơn.
- 4. Quy hoạch chi tiết khu đất đấu giá:** Thuộc MBQH số 624 ngày 07/4/2016 và MBQH số 935 ngày 29/3/2019.
- 5. Diện tích đấu giá (tổng diện tích):** 7.424,3 m²
(Chi tiết trong hồ sơ đấu giá)
- 6. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:**
 - Mục đích sử dụng đất: Đất ở.
 - Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
 - Thời hạn sử dụng đất: Giao lâu dài.
- 7. Địa điểm, thời gian xem tài sản đấu giá:**
 - + Tại mặt bằng khu đất đấu giá xã Đông Văn, huyện Đông Sơn;
 - + Từ ngày 16/9 đến ngày 18/9/2019 (trong giờ hành chính).
- 8. Địa điểm, thời gian bán hồ sơ tham gia đấu giá (trong giờ hành chính):**
 - Từ ngày 09/9 đến ngày 23/9/2019 tại UBND xã Đông Văn;
- 9. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:**
từ 125.000.000 đồng đến 648.000.000 đồng/lô
(Chi tiết trong hồ sơ đấu giá)
- 10. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước:**
 - * Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng/1 hồ sơ;
 - * Tiền đặt trước: từ 15.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng/1 hồ sơ;
- 11. Địa điểm, thời gian, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:**
 - * Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá (trong giờ hành chính):
 - Từ ngày 09/9 đến ngày 23/9/2019 tại UBND xã Đông Văn;
 - Thời gian nộp tiền đặt trước: từ ngày 23/9 đến ngày 25/9/2019;

**** Hình thức nộp vào tài khoản:**

+ Tên đơn vị thụ hưởng: Công ty Đấu giá Hợp danh HLC

+ Tài khoản: 3501 201 025 936 - tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (AgriBank) - Chi nhánh Thanh Hóa";

***** Nội dung nộp tiền đặt trước:**

[Họ tên] _ Nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá đất ở xã Đông Văn

(Khách hàng nộp lại bản photo giấy chuyển tiền đặt trước cho Công ty trước ngày tổ chức đấu giá).

* Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Tổ chức, cá nhân được tham gia đấu giá khi có đủ các điều kiện sau:

+ Thuộc đối tượng được tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật;

+ Có hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ;

+ Nộp đủ tiền đặt trước;

- Cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và tiền đặt trước cho Công ty Đấu giá Hợp danh HLC (hoặc có thể ủy quyền theo quy định của pháp luật).

12. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:

- Thời gian: Từ 07 giờ 30 phút, ngày 26/9/2019;

- Địa điểm: Tại hội trường UBND xã Đông Văn;

13. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá từng lô đất bằng hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp 01 (một) vòng tại cuộc đấu giá, người có mức trả giá cao nhất là người trúng đấu giá.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

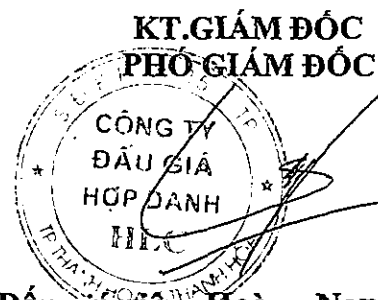
14. Thông tin liên hệ:

- Công ty làm việc trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần.

- Khách hàng có nhu cầu tham gia đấu giá QSDĐ liên hệ với UBND xã Đông Văn hoặc Công ty Đấu giá Hợp danh HLC (Trong giờ hành chính; điện thoại: 0943.496.468; 0912.444.339; Email: daugiathanhhoa@gmail.com).

Nơi nhận:

- UBND huyện Đông Sơn (b/c);
- Phòng TN-MT huyện Đông Sơn (b/c);
- Cơ quan thông tin đại chúng (Q.c);
- UBND xã Đông Văn (NY và TB);
- Khách hàng tham gia đấu giá (T/h);
- Lưu VP Cty.



Đấu giá viên: Hoàng Nam Cường



DANH MỤC

CÁC LÔ ĐẤT ĐẤU GIÁ TẠI KHU DÂN CƯ XÃ ĐÔNG VĂN, HUYỆN ĐÔNG SƠN

(kèm theo thông báo và quy chế bán đấu giá)

TT	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Hồ sơ tham gia đấu giá (đồng/01 hồ sơ)	Tiền đặt trước/01 hồ sơ (đồng)	Ghi chú
A	MBQH số 935 ngày 29/3/2019						
1	A-01	138,0	3.000.000	414.000.000	200.000	40.000.000	
2	A-02	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
3	A-03	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
4	A-04	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
5	A-05	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
6	A-06	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
7	A-07	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
8	A-08	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
9	A-09	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
10	A-10	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
11	A-11	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
12	A-12	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
13	A-13	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
14	A-14	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
15	A-15	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
16	A-16	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
17	A-17	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
18	A-18	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
19	A-19	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
20	A-20	115,0	3.000.000	345.000.000	200.000	30.000.000	
21	A-21	115,0	3.000.000	345.000.000	200.000	30.000.000	
22	A-22	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
23	A-23	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
24	A-24	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
25	A-25	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
26	A-26	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
27	A-27	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
28	A-28	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
29	A-29	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
30	A-30	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
31	A-31	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	

TT	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Hồ sơ tham gia đấu giá (đồng/01 hồ sơ)	Tiền đặt trước/01 hồ sơ (đồng)	Ghi chú
32	A-32	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
33	A-33	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
34	A-34	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
35	A-35	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
36	A-36	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
37	A-37	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
38	A-38	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
39	A-39	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
40	A-40	115,0	3.000.000	345.000.000	200.000	30.000.000	
41	A-41	115,0	3.000.000	345.000.000	200.000	30.000.000	
42	A-42	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
43	A-43	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
44	A-44	115,0	2.500.000	287.500.000	200.000	30.000.000	
45	B-01	125,0	1.200.000	150.000.000	100.000	15.000.000	
46	B-02	125,0	1.000.000	125.000.000	100.000	15.000.000	
47	B-03	125,0	1.000.000	125.000.000	100.000	15.000.000	
48	B-04	125,0	1.000.000	125.000.000	100.000	15.000.000	
49	B-05	125,0	1.000.000	125.000.000	100.000	15.000.000	
50	B-06	125,0	1.000.000	125.000.000	100.000	15.000.000	
51	B-07	125,0	1.000.000	125.000.000	100.000	15.000.000	
52	B-08	125,0	1.000.000	125.000.000	100.000	15.000.000	
53	B-09	125,0	1.000.000	125.000.000	100.000	15.000.000	
54	B-10	125,0	1.000.000	125.000.000	100.000	15.000.000	
55	B-11	125,0	1.000.000	125.000.000	100.000	15.000.000	
56	B-12	125,0	1.000.000	125.000.000	100.000	15.000.000	
57	B-13	187,5	1.000.000	187.500.000	100.000	15.000.000	
58	C-01	95,2	6.000.000	571.200.000	500.000	60.000.000	
59	C-02	93,6	6.000.000	561.600.000	500.000	60.000.000	
60	C-03	90,0	7.200.000	648.000.000	500.000	60.000.000	
CỘNG A		7049,3		16.499.800.000			
B	MBQH số 624 ngày 07/4/2016						
1	27	125,0	2.100.000	262.500.000	200.000	30.000.000	
2	28	125,0	2.100.000	262.500.000	200.000	30.000.000	
3	29	125,0	2.100.000	262.500.000	200.000	30.000.000	
CỘNG B		375,0		787.500.000			
Tổng cộng		7.424,3		17.287.300.000			